TÒA ÁN NQ DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn, con chung".

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nQ dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm

2. Bà Trần Thị Kim Đồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Ngọc Yến– Thư ký Tòa án nQ dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nQ dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nQ dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: số A, ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lưu Kiệt H , sinh năm 1982 " có mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã M, huyện K, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cùng ngày 28/12/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và bị đơn Lưu Kiệt H thành hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nQ dân xã T, huyện R, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 06/9/2016. Quá trình chung sống, lúc đầu hạnh phúc, sau này không hạnh phúc có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến bất đồng ý kiến. Nguyên N chủ yếu do anh H không quan tâm, chăm lo cho vợ con, anh H không lo làm ăn thường xuyên tụ tập bạn bè với những cuộc

chơi vô bổ, thậm chí còn xa ngã vào các tệ nạn xã hội. Chị có khuyên ngăn nhưng anh H không sửa đổi. Vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2022 đến nay từ đó không ai quan tâm đến ai, mỗi người có cuộc sống riêng. Về con chung: Có một con chung Lưu Nhã Q, sinh ngày 27/6/2016 hiện đang sống chung với anh H. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với anh H. Về con chung chị xin nuôi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/4/2024 bị đơn anh Lưu Kiệt H trình bày thống nhất theo lời trình của chị N về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Anh xác định quá trình chung sống, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau này có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ có quen với người khác nên chị N về kiếm chuyện với anh mọi vấn đề và yêu cầu ly hôn. Chị N trình bày nguyên N mâu thuẫn giữa vợ chồng là có, nhưng không đúng hoàn toàn. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2022 đến nay. Nay anh xác định còn tình cảm với chị N nên anh không đồng ý ly hôn mà xin đoàn tụ.Về con chung: Có một con chung Lưu Nhã Q, sinh ngày 27/6/2016 hiện đang sống chung với anh, nếu Tòa án cho ly hôn anh yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn cũng xác định không còn tình cảm với chị N và đồng ý ly hôn với chị N. Con chung anh yêu cầu nuôi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Ôn phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, 56, 81, 82 của Luật Hôn N và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lưu Kiệt H

Về con chung: Giao con chung Lưu Nhã Q, sinh ngày 27/6/2016 cho anh H nuôi, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và chị N được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lưu Kiệt H, có địa chỉ ấp t, xã m, huyện k, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn N:

Chị Nguyễn Thị N và anh Lưu Kiệt H kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận kết hôn số: 61 ngày 06/9/2016 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị N và anh H cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Chị N cho rằng anh H không quan tâm, chăm lo cho vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè với những cuộc chơi vô bổ, thậm chí còn xa ngã vào các tệ nạn xã hội. Còn anh H thì cho rằng vợ có quen bạn trai. Hiện tại chị N và anh H không còn tình cảm. Tại phiên tòa anh H cũng đồng ý ly hôn với chị N. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị N và anh H có 01 con chung Lưu Nhã Q, sinh ngày 27/6/2016, chị N và anh H đều yêu cầu nuôi. Xét thấy từ nhỏ đến nay con chung sống tại gia đình bên anh H, hiện tại con chung có nguyện vọng sống với anh H nên tiếp tục giao con chung Lưu Nhã Q cho anh H nuôi, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: anh H là người trực tiếp nuôi con và anh H có đủ điều kiện để nuôi con không yêu cầu chị N cấp dưỡng nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị N phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên so với nhận định trên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

1. Về hôn N:

Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lưu Kiệt H.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao con chung Lưu Nhã Q, sinh ngày 27/6/2016 cho anh Lưu Kiệt H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0011045 ngày 26/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú. Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bàn án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát N dân huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Uỷ ban N dân xã M, huyện Trà Ôn (Giấy kết hôn số: 61, ngày 06/9/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.